

Bản án số: 27/2020/HS-ST
Ngày 28 - 4 -2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đức Lập

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Thanh Tú

Ông Phạm Mạnh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Thao – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Văn Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2019/TLST-HS ngày 05 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2020/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 4 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T, sinh ngày 10/02/1965 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn A, xã S, huyện L, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Bảo vệ Công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ Đ; trình độ văn hoá: 7/10; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Khắc T và bà Hoàng Thị P (đã chết); có vợ là Phùng Thị T, sinh năm 1966 và 04 con, con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 20/11/2019 đến ngày 28/11/2019 thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

2. Mai Văn S, sinh ngày 14/11/1986, tại Bắc Ninh; ĐKKHKT: Khu 6, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; Tạm trú: Số 26/131 đường LKT, thị trấn T, huyện L, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Bảo vệ Công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ Đ; trình độ văn hoá: 10/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn H và bà Trương Thị N; có vợ là Trần Thị H và 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 19/11/2019 đến ngày 28/11/2019 thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

3. Trần Nam H, sinh ngày 20/10/1975, tại Hải Phòng; nơi cư trú: Tổ 6, phường N, quận K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Bảo vệ Công ty cổ phần

dịch vụ bảo vệ Đ; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Trần M (đã chết) và bà Nguyễn Thị Thanh V; có vợ là Trịnh Thị T và 01 con, sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 20/11/2019 đến ngày 28/11/2019 thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

- *Bị hại*: Công ty trách nhiệm hữu hạn K Việt Nam; trụ sở: Số 196 đường H, phường N, quận K, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Huang Sheng C – Tổng giám đốc. Vắng mặt.

- *Bị đơn dân sự*: Công ty cổ phần dịch vụ Bảo vệ Đ; trụ sở: Số 625 đường N, phường V, quận L, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn dân sự: Ông Đào Quang H – Tổng giám đốc. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

Bà Phạm Thị N, sinh năm 1964; nơi cư trú: Số 465 tổ dân phố A, thị trấn T, huyện L, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1991; nơi cư trú: tổ 7, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thực hiện Hợp đồng bảo vệ giữa Công ty cổ phần dịch vụ Bảo vệ Đ và Công ty trách nhiệm hữu hạn K Việt Nam (gọi tắt là Công ty K) là doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài. Công ty cổ phần dịch vụ Bảo vệ Đ đã cử các nhân viên bảo vệ là Nguyễn Văn T, Mai Văn S và Trần Nam H, trong đó Nguyễn Văn T là trưởng ca đến làm nhiệm vụ bảo vệ tại Công ty K, địa chỉ số: số 196 đường H, phường N, quận K, thành phố Hải Phòng.

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 19/11/2019, Mai Văn S là bảo vệ tại chốt A9 (khu vực xưởng sản xuất) có lên gặp Nguyễn Văn T là trưởng ca và Trần Nam H đang làm nhiệm vụ tại chốt A1 và A2 (Phòng bảo vệ và cổng ra vào của Công ty K), S nói với T và H “Cho cháu xin một chuyến cuối, mai cháu chuyển mục tiêu” có nghĩa là cho S lấy trộm tài sản của Công ty K và đã được T, H đồng ý. S đi vào khu vực bãi tập kết phế liệu ngoài trời (nơi tập kết dao chặt bằng sắt và phom giấy bằng nhựa đã qua sử dụng) nhặt dao chặt bằng sắt cho vào 02 bao dứa. Sau đó S tiếp tục đi lên khu vực văn phòng của Công ty cạy cửa sổ treo vào trong văn phòng lấy được 03 chiếc màn hình máy vi tính cho vào 01 bao dứa. S buộc 02 bao dao chặt sắt phía sau xe máy của mình và đặt bao dứa chứa màn hình máy vi tính vào võng xe rồi đi ra khỏi cổng Công ty. S đem số tài sản lấy được đi bán thì bị Công

an quận Kiến An phát hiện bắt quả tang. Tang vật thu giữ 02 bao dứa chứa dao chặt bằng sắt, 01 bao dứa chứa màn hình vi tính; 01 xe mô tô BKS 15B1-32981.

Ngày 20/11/2019 sau khi biết S bị bắt giữ, Nguyễn Văn T và Trần Nam H đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Kiến An, thành phố Hải Phòng đầu thú.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng các bị cáo Mai Văn S, Nguyễn Văn T và Trần Nam H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung nêu trên. Ngoài ra Mai Văn S còn khai nhận từ khoảng cuối tháng 10/2019 đến ngày bị phát hiện bắt giữ được sự đồng ý của T thì S đã 4-5 lần trộm cắp dao chặt bằng sắt và phom giấy bằng nhựa (mỗi lần lấy từ 1-6 bao dứa) đem bán cho cơ sở thu mua phế liệu của Phạm Thị N tại Số 465 tổ dân phố A, thị trấn T, huyện L, thành phố Hải Phòng được khoảng 1.030.000 đồng, S cho T 100.000 đồng. Trần Nam H còn khai nhận từ khoảng đầu tháng 11/2019 đến ngày bị phát hiện bắt giữ được sự đồng ý của T, H đã 5 lần trộm cắp dao chặt bằng sắt và phom giấy bằng nhựa đem bán cho cơ sở thu mua phế liệu của Nguyễn Thị Th tại tổ 7 phường N, quận K, thành phố Hải Phòng và 01 lần bán cho cơ sở thu mua phế liệu của Phạm Thị N tại tổ dân phố A, thị trấn T, huyện L, thành phố Hải Phòng, trong đó có ngày 18/11/2019 H lấy 09 bao phom giấy (số lượng 503 chiếc) đem bán cho Nguyễn Thị Th được 1.800.000 đồng. Tổng số tiền H bán phom giấy và dao chặt của các lần trộm cắp được khoảng 2.500.000 đồng, H đã cho T 500.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Kiến An, thành phố Hải Phòng tiến hành khám xét khẩn cấp cơ sở thu mua phế liệu của Nguyễn Thị Th tại tổ 7 phường N, quận K, thành phố Hải Phòng thu giữ 12 bao tải dứa chứa phom giấy bằng nhựa các loại, tổng trọng lượng 439Kg; Cơ sở thu mua phế liệu của Phạm Thị N tại tổ dân phố A, thị trấn T, huyện L, thành phố Hải Phòng và Cơ sở thu mua phế liệu của Phạm Duy V tại thôn 5, xã D, huyện K, thành phố Hải Phòng không thu giữ được tài sản gì liên quan đến vụ án.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 29/KL-ĐG ngày 21/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, kết luận: 03 chiếc màn hình máy vi tính ACER đã qua sử dụng xuất xứ Trung Quốc, 61 Kg sắt phế liệu. Tổng giá trị của 04 loại tài sản tại thời điểm yêu cầu định giá, có giá trị là 2.316.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 30/KL-ĐG ngày 28/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, kết luận: Tổng giá trị của 503 chiếc (gồm 19 loại) phom giấy bằng nhựa đã qua sử dụng, tại thời điểm yêu cầu định giá có giá trị là 1.810.000 đồng.

Đối với các lần Nguyễn Văn T đồng ý cho Mai Văn S và Trần Nam H trộm cắp dao chặt bằng kim loại, phom giấy bằng nhựa đem bán hiện không thu hồi được, các bị cáo không nhớ chính xác thời gian thực hiện hành vi trộm cắp, số lượng, trọng lượng của từng lần trộm cắp, Công ty K không xác định được số lượng, trọng lượng tài sản bị trộm cắp, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình

sự, UBND quận Kiến An không đủ cơ sở để định giá nên Cơ quan điều tra đã kết luận không có căn cứ để truy tố đối với S, H, T về hành vi này.

Đối với Nguyễn Thị Th và Phạm Thị N là chủ những cơ sở thu mua phế liệu đã mua số dao chặt và phom giấy của S và H nhưng không biết số tài sản này do phạm tội mà có. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng cũng không xử lý.

Tại bản Cáo trạng 18/CT-VKSHP-P3 ngày 05 tháng 3 năm 2020, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T, Mai Văn S và Trần Nam H về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và đề nghị:

- Về hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 58; các điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 65; Điều 58; các điểm h, i, s khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Mai Văn S từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 65; Điều 58; các điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Nam H từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

- Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, đại diện Công ty K và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là chị Nguyễn Thị Th vắng mặt. Tại cơ quan điều tra, người đại diện theo ủy quyền của Công ty K đã có lời khai không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Th có đơn không yêu cầu bị cáo Trần Nam H bồi hoàn lại số tiền đã trả cho H khi mua 503 chiếc phom giấy nên không xem xét, giải quyết.

Đối với số tiền bị cáo Trần Nam H khai bán 503 phom giấy nhựa trộm cắp được cho chị Nguyễn Thị Th được 1.800.000 đồng, số phom giấy này đã được thu giữ và chị Nguyễn Thị Th không yêu cầu bị cáo trả lại. Đây là số tiền bị cáo có được do bán tài sản bị cáo trộm cắp nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Về xử lý vật chứng hiện đang thu giữ:

Đối với chiếc xe máy hiệu Honda AIRBLADE, BKS 15B1 – 329.81 đã tạm giữ của bị cáo S, đây là tài sản chung vợ chồng, phương tiện đi lại sinh hoạt hàng ngày của vợ chồng, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử trả lại chiếc xe máy cho bị cáo S.

Đối với các tài sản gồm: 03 màn hình máy tính ACER; 61 kg dao chặt bằng kim loại; 503 chiếc phom giấy bằng nhựa là tài sản của Công ty K các bị cáo chiếm đoạt đề nghị Hội đồng xét xử trả lại Công ty K. Tịch thu tiêu hủy 15 (mười lăm) chiếc vỏ bao nilon (bao dứa) bị cáo S dùng để chứa tài sản trộm cắp không còn giá trị sử dụng.

Đối với số tiền các bị cáo đã tự nguyện giao nộp gồm: bị cáo S nộp 1.330.000 đồng và S tác động để vợ nộp là 6.700.000 đồng, tổng cộng 8.030.000 đồng; gia đình bị cáo H nộp: 6.000.000 đồng; gia đình bị cáo T nộp: 600.000 đồng), trả lại cho các bị cáo. Số tiền 6.000.000 đồng gia đình bị cáo H nộp trừ đi 1.800.000 đồng tiền thu lợi bất chính còn 4.200.000 đồng trả lại cho bị cáo H.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung nêu trên. Bị cáo S trình bày chiếc xe máy hiệu Honda AIRBLADE, BKS 15B1 – 329.81 bị cơ quan Công an thu giữ là tài sản chung của vợ chồng, phương tiện đi lại hàng ngày của vợ chồng dùng chung, gia đình có hoàn cảnh khó khăn S đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo xin lại chiếc xe để vợ chồng sử dụng. Các bị cáo còn khai, sau khi bị bắt giữ, do lo sợ số tài sản các bị cáo chiếm đoạt có giá trị nên đã chủ động nộp số tiền như nêu trên, đó không phải là số tiền các bị cáo có được từ việc bán các tài sản đã trộm cắp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị hại và của bị đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Trong đó những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có đơn xin xét xử vắng mặt; người đại diện hợp pháp của bị hại và của bị đơn dân sự đều không có lý do. Xét thấy, những người này đã có đầy đủ lời khai tại Cơ quan điều tra, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng Hình sự.

- Về tội danh:

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản tại Công ty K như nội dung Bản cáo trạng. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với chính lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với biên bản bắt giữ người phạm tội quả tang do cơ quan Công an quận Kiến An lập vào hồi 19 giờ 50 phút ngày 19/11/2019; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với Sơ đồ hiện trường, Bản ảnh hiện trường, Biên bản thực nghiệm điều tra; phù hợp với tang vật thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở xác định các bị cáo cùng cố ý thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Trong đó, cả ba bị cáo đồng phạm đối với lần trộm cắp tài sản do bị cáo S thực hiện vào ngày 19/11/2019; bị cáo H và bị cáo T đồng phạm đối với lần trộm cắp tài sản do bị cáo H thực hiện vào ngày 18/11/2019.

Về trị giá tài sản các bị cáo chiếm đoạt: Tại bản kết luận định giá tài sản số 29/KL-ĐG ngày 21/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng Hình sự - Ủy ban nhân dân quận Kiến an, kết luận: 03 chiếc màn hình máy vi tính ACER đã qua sử dụng xuất xứ Trung Quốc, 61 Kg sắt phế liệu. Tổng giá trị của 04 loại tài sản có giá trị là 2.316.000 đồng. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 30/KL-ĐG ngày 28/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản, kết luận: Tổng giá trị của 503 chiếc (gồm 19 loại) phom giấy bằng nhựa đã qua sử dụng có giá trị là 1.810.000 đồng. Tổng trị giá tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 4.126.000 đồng.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Văn T, Mai Văn S , Trần Nam H đồng phạm tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Đối với các lần Nguyễn Văn T đồng ý cho Mai Văn S và Trần Nam H trộm cắp dao chặt bằng kim loại, phom giấy bằng nhựa đem bán Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Kiến An không thu hồi được tang vật, các bị cáo không nhớ chính xác thời gian thực hiện hành vi trộm cắp, số lượng, trọng lượng của từng lần trộm cắp, Công ty K không xác định được số lượng, trọng lượng tài sản bị trộm cắp, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự của UBND quận Kiến An không đủ cơ sở để định giá. Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng không truy tố các bị cáo về hành vi này nên Hội đồng xét xử không có cơ sở kết luận.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội, ảnh hưởng tới môi trường đầu tư trên địa bàn thành phố. Bởi vậy, cần xét xử nghiêm để giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung.

- Về vai trò của các bị cáo trong vụ án:

[4] Trong vụ án này, bị cáo S là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội ngày 19/11/2019, bị cáo H là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội ngày 18/11/2019 và cùng với bị cáo T giúp sức cho bị cáo S, H thực hiện hành vi phạm tội. Số tài sản bị cáo H trực tiếp trộm cắp có giá trị thấp hơn giá trị số tài sản S trực tiếp trộm cắp. Bị cáo T là trưởng ca bảo vệ có hành vi giúp sức tích cực cho bị cáo

S và H thực hiện hành vi phạm tội, được sự đồng ý của bị cáo T thì các bị cáo khác mới chiếm đoạt được tài sản. Hành vi của bị cáo T có tính chất quyết định trong việc để xảy ra việc phạm tội. Bởi vậy, bị cáo T là người có vai trò cao nhất trong vụ án, bị cáo S và H có vai trò ngang nhau.

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:*

[5] Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- *Về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

[6] Các bị cáo đều không có tiền án, tiền sự; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; ngoài ra các bị cáo T và H sau khi sự việc phạm tội bị phát hiện đã ra đầu thú, bị cáo T và bị cáo S có nhân thân là người có công, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương, Bằng khen nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự.

- *Về hình phạt:*

[7] Đối với bị cáo Nguyễn Văn T, mặc dù có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhưng do bị cáo có vai trò quyết định cho việc phạm tội xảy ra, bị cáo nhiều lần đồng ý cho các bị cáo khác trộm cắp tài sản nên cần áp dụng hình phạt tù với mức cao hơn các bị cáo khác trong vụ án.

[8] Các bị cáo Mai Văn S, Trần Nam H có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và có nơi cư trú rõ ràng nên cần áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo được hưởng án treo.

- *Về trách nhiệm dân sự:*

[9] Đối với số tài sản các bị cáo khai đã trộm cắp được của Công ty K và đã đem đi tiêu thụ, không thu hồi được, các bị cáo không nhớ chính xác thời gian thực hiện hành vi trộm cắp, số lượng, trọng lượng của từng lần trộm cắp, Công ty K không xác định được số lượng, trọng lượng tài sản bị trộm cắp, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, UBND quận Kiến An không đủ cơ sở để định giá nên. Cơ quan điều tra đã kết luận không có căn cứ để truy tố đối với S, H, T về hành vi này. Công ty K cũng không yêu cầu các bị cáo bồi thường. Bởi vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[10] Đối với số tiền 1.800.000 đồng chị Nguyễn Thị Th đã trả cho bị cáo H để mua số tài sản H trộm cắp của Công ty K, chị Thảo có đơn không yêu cầu bị cáo H trả hoàn trả. Do vậy, Hội đồng xét xử cũng không xem xét, giải quyết.

- *Về xử lý vật chứng:*

[11] Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Các vật chứng của vụ án hiện đang thu giữ được xử lý như sau:

Đối với chiếc xe máy hiệu Honda AIRBLADE, BKS 15B1-329.81 đã thu giữ của bị cáo S. Đây là phương tiện thuộc sở hữu chung của bị cáo và vợ, chủ yếu được dùng vào việc đi lại sinh hoạt hàng ngày của vợ chồng, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn. Vì vậy, trả lại chiếc xe máy cho bị cáo S cùng Giấy đăng ký xe.

Đối với các tài sản gồm: 03 màn hình máy tính ACER; 61 kg dao chặt bằng kim loại; 503 chiếc phom giấy bằng nhựa là tài sản của Công ty K nên cần trả lại Công ty K. Tịch thu tiêu hủy 15 (mười lăm) chiếc vỏ bao nylon (bao dứa) bị cáo S dùng để chứa tài sản trộm cắp không còn giá trị sử dụng.

Đối với số tiền bị cáo H bán tài sản trộm cắp được là 1.800.000 đồng đây là tiền thu lợi bất chính cần buộc bị cáo nộp lại để tịch thu sung quỹ nhà nước.

Đối với khoản tiền 600.000 đồng bị cáo T được bị cáo H, S cho từ số tiền bán tài sản trộm cắp được là khoản tiền thu lợi bất chính cần tịch thu sung quỹ nhà nước. Khoản tiền này được trừ vào số tiền các bị cáo đã giao nộp và hiện đang tạm giữ.

Đối với khoản tiền 14.630.000 đồng bị cáo cùng người thân bị cáo tự nguyện giao nộp để khắc phục hậu quả, bồi thường cho Công ty K. Trong đó bị cáo T nộp 600.000 đồng; bị cáo S và người thân nộp 8.030.000 đồng; bị cáo H và người thân nộp 6.000.000 đồng. Như đã nhận định ở mục [9] nêu trên, các tài liệu chứng cứ chưa xác định được nghĩa vụ bồi thường của các bị cáo trong vụ án này nên cần trả lại cho các bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án các khoản tiền án phí và tiền các bị cáo phải nộp để tịch thu sung quỹ nhà nước.

Về án phí:

[12] Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 12 (Mười hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án. Bị cáo được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 20/11/2019 đến ngày 28/11/2019 là 09 (chín) ngày.

Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Nguyễn Văn T kể từ ngày tuyên án sơ thẩm đến thời điểm bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Mai Văn S và Trần Nam H.

Xử phạt bị cáo Mai Văn S: 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Mai Văn S cho Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện L, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo Trần Nam H : 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Trần Nam H cho Ủy ban nhân dân phường N, quận K, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì việc chấp hành hình phạt tù cho hưởng án treo được thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự được sửa đổi, bổ sung năm 2019.

- Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự:

Buộc bị cáo Trần Nam H phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng) để tịch thu sung quỹ nhà nước.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) để tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự:

Trả lại Công ty trách nhiệm hữu hạn K Việt Nam 03 màn hình máy tính ACER, 61 kg dao chặt bằng kim loại, 503 chiếc phom giấy bằng nhựa.

Trả lại bị cáo Mai Văn S: 01 chiếc xe máy hiệu Honda AIRBLADE BKS 15B1-32981 và Giấy đăng ký xe số 016931 mang tên Phạm Văn T;

Tịch thu tiêu hủy 15 (mười lăm) chiếc vỏ bao nilon (bao dứa) không còn giá trị sử dụng.

(Đặc điểm chi tiết của các tài sản đồ vật nêu trên theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 06/3/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng và Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng).

Trả lại các bị cáo tổng số tiền đã thu giữ là 14.630.000 đồng các bị cáo cùng người thân bị cáo tự nguyện giao nộp hiện đang thu giữ tại (Theo Biên lai thu tiền số 0004053 ngày 06/3/2020 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng). Trong đó bị cáo T nộp 600.000 đồng; bị cáo S và người thân nộp 8.030.000 đồng; bị cáo H và người thân nộp 6.000.000 đồng nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án khoản tiền án phí và tiền thu lợi bất chính các bị cáo phải nộp để tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Mai Văn S, Trần Nam H và Nguyễn Văn T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị hại, bị đơn dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Vụ 1 – TANDTC;
- TANDCC; VKSNDCC;
- VKSND TP Hải Phòng;
- Phòng PV06 - CATP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TPHP;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Đức Lập